

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG NGÀ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.NGA-001	Hoàng Mai Anh	27.05.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
2	GCN14925.NGA-002	Ma Thị Lan Anh	22.07.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
3	GCN14925.NGA-003	Nguyễn Thị Mai Anh	28.01.2004	Nữ	Kinh	Gia Lai
4	GCN14925.NGA-004	Vũ Kim Anh	08.06.2004	Nữ	Tày	Cao Bằng
5	GCN14925.NGA-005	Nguyễn Ngọc Ánh	12.03.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
6	GCN14925.NGA-006	Trần Ngọc Ánh	10.06.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
7	GCN14925.NGA-007	Nguyễn Thị Ngọc Bích	27.04.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
8	GCN14925.NGA-008	Dương Thị Bình	01.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN14925.NGA-009	Nguyễn Thị Kim Cúc	27.11.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
10	GCN14925.NGA-010	Thân Thị Cúc	04.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
11	GCN14925.NGA-011	Lý Mạnh Cường	12.07.2003	Nam	Nùng	Lạng Sơn
12	GCN14925.NGA-012	Nguyễn Ngọc Linh Chi	28.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN14925.NGA-013	Dương Thị Kim Dung	01.07.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
14	GCN14925.NGA-014	Nguyễn Thị Dung	27.12.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
15	GCN14925.NGA-015	Hoàng Thị Duyên	01.08.2002	Nữ	Dao	Hà Giang
16	GCN14925.NGA-016	Hoàng Thuỳ Dương	04.08.2004	Nữ	Sán diu	Thái Nguyên
17	GCN14925.NGA-017	Lý Thị Thu Hà	09.07.2003	Nữ	Nùng	Bắc Giang
18	GCN14925.NGA-018	Nguyễn Hoàng Hà	26.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
19	GCN14925.NGA-019	Nguyễn Thị Hà	26.04.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
20	GCN14925.NGA-020	Trần Thị Thu Hà	23.10.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
21	GCN14925.NGA-021	Diệp Hồng Hạnh	05.01.2004	Nữ	Sán diu	Thái Nguyên
22	GCN14925.NGA-022	Lê Thị Hạnh	22.01.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
23	GCN14925.NGA-023	Trần Thị Hồng Hạnh	26.09.1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN14925.NGA-024	Trương Thị Mỹ Hạnh	28.01.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
25	GCN14925.NGA-025	Lục Thị Hằng	14.03.2004	Nữ	Sán Dìu	Bắc Giang
26	GCN14925.NGA-026	Lương Thị Thu Hằng	28.09.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang
27	GCN14925.NGA-027	Tạ Nguyệt Hoa	22.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN14925.NGA-028	Nguyễn Thị Hoà	26.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
29	GCN14925.NGA-029	Nguyễn Thị Hòa	26.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN14925.NGA-030	Nguyễn Hồng Huế	29.09.2004	Nữ	Kinh	Nam Định
31	GCN14925.NGA-031	Nguyễn Thị Ngọc Huế	08.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN14925.NGA-032	Lê Thị Huệ	18.09.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
33	GCN14925.NGA-033	Vi Thị Huệ	21.09.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
34	GCN14925.NGA-034	Bùi Thị Thu Huyền	25.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 34 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG NGA

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.NGA-035	Diệp Ngọc Huyền	15.09.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
2	GCN14925.NGA-036	Lê Thu Huyền	22.04.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
3	GCN14925.NGA-037	Nguyễn Thị Thuý Huyền	13.07.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
4	GCN14925.NGA-038	Trịnh Minh Huyền	20.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN14925.NGA-039	Lý Thị Huyền	23.08.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
6	GCN14925.NGA-040	Trần Thị Bích Huyền	21.07.2004	Nữ	Sán chay	Tuyên Quang
7	GCN14925.NGA-041	Dương Thị Thu Hương	09.08.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
8	GCN14925.NGA-042	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	26.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN14925.NGA-043	Nguyễn Thị Thu Hương	03.11.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
10	GCN14925.NGA-044	Vũ Thị Lan Hương	20.09.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
11	GCN14925.NGA-045	Nguyễn Thị Thuý Hường	18.08.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
12	GCN14925.NGA-046	Hoàng Thị Hường	18.02.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
13	GCN14925.NGA-047	Ma Thị Kiều	06.06.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
14	GCN14925.NGA-048	Nông Thanh Kiều	28.12.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
15	GCN14925.NGA-049	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	25.09.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
16	GCN14925.NGA-050	Vũ Kim Khánh	26.05.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
17	GCN14925.NGA-051	Giáp Thị Hoàng Lan	03.04.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
18	GCN14925.NGA-052	Nông Thị Phương Lan	01.10.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
19	GCN14925.NGA-053	Phương Thị Mai Lan	07.03.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
20	GCN14925.NGA-054	Hoàng Thị Lành	04.08.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
21	GCN14925.NGA-055	Lục Thị Lê	25.02.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
22	GCN14925.NGA-056	Nguyễn Thị Lệ	19.08.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
23	GCN14925.NGA-057	Hoàng Bích Liên	02.02.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
24	GCN14925.NGA-058	Hoàng Mai Liên	18.09.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
25	GCN14925.NGA-059	Hoàng Thị Liên	22.01.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
26	GCN14925.NGA-060	Phan Khánh Liên	09.12.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
27	GCN14925.NGA-061	Dương Ngọc Linh	01.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
28	GCN14925.NGA-062	Đàm Diệu Linh	19.02.2004	Nữ	Tày	Cao Bằng
29	GCN14925.NGA-063	Đặng Thùy Linh	19.05.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
30	GCN14925.NGA-064	Đỗ Hải Linh	19.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Bình
31	GCN14925.NGA-065	Đỗ Thuý Linh	30.05.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
32	GCN14925.NGA-066	Mai Phương Linh	23.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN14925.NGA-067	Nguyễn Thị Diệu Linh	21.09.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
34	GCN14925.NGA-068	Cao Tô Việt Linh	14.11.2004	Nữ	Sán dìu	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có: 34 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: **TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG NGA

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.NGA-069	Hứa Thị Ngọc Mai	10.10.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
2	GCN14925.NGA-070	Nguyễn Ngọc Mai	17.06.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN14925.NGA-071	Tô Quỳnh Mai	10.05.2004	Nữ	Nùng	Bắc Giang
4	GCN14925.NGA-072	Lê Thị Hồng Minh	15.08.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
5	GCN14925.NGA-073	Nguyễn Ngọc Minh	14.06.2004	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
6	GCN14925.NGA-074	Đàm Văn Nghiêm	10.02.2004	Nam	Tày	Cao Bằng
7	GCN14925.NGA-075	Hà Thị Ngọc	19.10.2004	Nữ	Nùng	Bắc Giang
8	GCN14925.NGA-076	Hoàng Thị Ngọc	06.08.2004	Nữ	Tày	Cao Bằng
9	GCN14925.NGA-077	Nông Thị Ngọc	13.02.2004	Nữ	Nùng	Bắc Giang
10	GCN14925.NGA-078	Nguyễn Phạm Bảo Ngọc	07.03.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương
11	GCN14925.NGA-079	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28.07.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN14925.NGA-080	Đỗ Thảo Nguyên	26.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN14925.NGA-081	Phùng Thị Nguyên	15.08.2003	Nữ	Dao	Tuyên Quang
14	GCN14925.NGA-082	Nông Thị Nguyệt	19.07.2004	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
15	GCN14925.NGA-083	Nông Thị Thanh Nhân	09.07.2004	Nữ	Tày	Cao Bằng
16	GCN14925.NGA-084	Trần Ngọc Nhi	12.07.2004	Nữ	Kinh	Nam Định
17	GCN14925.NGA-085	Trần Phi Nhi	15.10.2004	Nữ	Sán đù	Thái Nguyên
18	GCN14925.NGA-086	La Thị Nhớ	02.04.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
19	GCN14925.NGA-087	Liễu Thị Cẩm Nhung	24.07.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
20	GCN14925.NGA-088	Lý Thị Hồng Nhung	05.04.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
21	GCN14925.NGA-089	Bùi Kim Oanh	09.07.2004	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
22	GCN14925.NGA-090	Đinh Thị Kim Oanh	18.01.2004	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
23	GCN14925.NGA-091	Hoàng Phương Oanh	16.08.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
24	GCN14925.NGA-092	Lý Kiều Oanh	09.06.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
25	GCN14925.NGA-093	Mã Kim Oanh	12.05.2004	Nữ	Tày	Quảng Ninh
26	GCN14925.NGA-094	Ma Thị Oanh	13.10.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang
27	GCN14925.NGA-095	Hoàng Thị Oanh	15.05.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
28	GCN14925.NGA-096	Hoàng Văn Phong	28.08.2004	Nam	Tày	Quảng Ninh
29	GCN14925.NGA-097	Lê Hà Phương	20.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN14925.NGA-098	Lý Thị Minh Phương	30.08.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
31	GCN14925.NGA-099	Hà Thị Mai Phương	28.08.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
32	GCN14925.NGA-100	Hoàng Thu Phương	06.01.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
33	GCN14925.NGA-101	Phạm Văn Quyết	29.07.2004	Nam	Tày	Tuyên Quang
34	GCN14925.NGA-102	Dương Triệu Quỳnh	11.12.2003	Nữ	Dao	Thái nguyên

Ấn định danh sách có: 34 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: **TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG NGỮ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.NGA-103	Lê Chúc Quỳnh	07.09.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
2	GCN14925.NGA-104	Lương Thúy Quỳnh	18.07.2004	Nữ	Nùng	Tuyên Quang
3	GCN14925.NGA-105	Bạch Văn Sơn	06.10.2004	Nam	Kinh	Quảng Ninh
4	GCN14925.NGA-106	Nguyễn Ngọc Sương	19.06.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
5	GCN14925.NGA-107	Trần Trọng Tấn	29.10.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN14925.NGA-108	Đoàn Thị Hiền Thảo	11.03.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
7	GCN14925.NGA-109	Hoàng Phương Thảo	18.09.2004	Nữ	Tày	Bắc Kạn
8	GCN14925.NGA-110	Lăng Thị Phương Thảo	06.06.2004	Nữ	Dao	Thái Nguyên
9	GCN14925.NGA-111	Phùng Thanh Thảo	19.09.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
10	GCN14925.NGA-112	Đàm Thị Thắm	06.12.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN14925.NGA-113	Hoàng Thị Thắm	18.08.2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn
12	GCN14925.NGA-114	Nông Kim Thoa	16.09.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
13	GCN14925.NGA-115	Tàng Thị Thu	18.10.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
14	GCN14925.NGA-116	Ma Thị Thu Thủy	26.10.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
15	GCN14925.NGA-117	Thân Thị Thủy	27.03.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
16	GCN14925.NGA-118	Ma Lê Thị Thuyền	12.09.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
17	GCN14925.NGA-119	Nguyễn Hường Thương	22.09.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
18	GCN14925.NGA-120	Cao Thanh Trà	20.11.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
19	GCN14925.NGA-121	Chu Kiều Trang	10.06.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
20	GCN14925.NGA-122	Dương Kiều Trang	19.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN14925.NGA-123	Hoàng Thị Thu Trang	09.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
22	GCN14925.NGA-124	Lài Thị Thêm Trang	20.12.2004	Nữ	Tày	Quảng Ninh
23	GCN14925.NGA-125	Nguyễn Thị Huyền Trang	20.09.2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc
24	GCN14925.NGA-126	Nguyễn Thị Thùy Trang	08.12.2004	Nữ	Kinh	Đắk Lắk
25	GCN14925.NGA-127	Trương Thu Trang	18.08.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
26	GCN14925.NGA-128	Trần Ngọc Trâm	10.01.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
27	GCN14925.NGA-129	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	09.02.2004	Nữ	Kinh	Yên Bái
28	GCN14925.NGA-130	Nguyễn Thư Trịnh	13.08.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn
29	GCN14925.NGA-131	Nông Thị Tổ Uyên	02.05.2004	Nữ	Nùng	Lào Cai
30	GCN14925.NGA-132	Nguyễn Thị Vân	12.07.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN14925.NGA-133	Miêu Thị Yến	12.11.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
32	GCN14925.NGA-134	Nông Thị Hải Yến	09.09.2003	Nữ	Tày	Cao Bằng
33	GCN14925.NGA-135	Nguyễn Thị Hải Yến	23.03.2002	Nữ	Kinh	Thái Bình

Ấn định danh sách có: 33 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.PHAP-001	Vương Thị Bảo An	21.06.2004	Nữ	Nùng	Bắc Giang
2	GCN14925.PHAP-002	Đào Thị Hồng Anh	14.07.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN14925.PHAP-003	Hà Kiều Anh	14.10.2004	Nữ	Tày	Bắc Kạn
4	GCN14925.PHAP-004	Hứa Nguyệt Anh	08.11.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
5	GCN14925.PHAP-005	Luân Thị Tú Anh	22.04.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
6	GCN14925.PHAP-006	Nguyễn Tuấn Anh	23.11.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
7	GCN14925.PHAP-007	Nguyễn Thị Phương Anh	02.09.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
8	GCN14925.PHAP-008	Phạm Lan Anh	11.04.2004	Nữ	Mường	Tuyên Quang
9	GCN14925.PHAP-009	Vũ Ngọc Kim Anh	05.02.2004	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
10	GCN14925.PHAP-010	Hoàng Minh Ánh	10.05.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
11	GCN14925.PHAP-011	Nông Ngọc Ánh	28.07.2004	Nữ	Tày	Cao Bằng
12	GCN14925.PHAP-012	Nguyễn Thị Ánh	19.10.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
13	GCN14925.PHAP-013	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN14925.PHAP-014	Phạm Thị Hồng Ánh	31.01.2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc
15	GCN14925.PHAP-015	Đặng Tú Anh	20.01.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
16	GCN14925.PHAP-016	Sùng Mai Ban	09.11.2004	Nữ	Mông	Lai Châu
17	GCN14925.PHAP-017	An Ngọc Bích	13.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN14925.PHAP-018	Lê Thị Hưng Bình	10.05.2004	Nữ	kinh	Thái Nguyên
19	GCN14925.PHAP-019	Ma Thị Kim Bình	02.09.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang
20	GCN14925.PHAP-020	Nguyễn Thị Lê Bình	21.09.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
21	GCN14925.PHAP-021	Đặng Quý Cảnh	18.05.2003	Nam	Dao	Tuyên Quang
22	GCN14925.PHAP-022	Khổng Thị Chi	09.10.2004	Nữ	Tày	Thái Bình
23	GCN14925.PHAP-023	Lương Thị Yến Chi	22.06.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
24	GCN14925.PHAP-024	Ma Thị Quỳnh Chi	07.09.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
25	GCN14925.PHAP-025	Nguyễn Mai Chi	21.12.2004	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
26	GCN14925.PHAP-026	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	20.08.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN14925.PHAP-027	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	25.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN14925.PHAP-028	Trần Phan Quỳnh Chi	07.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN14925.PHAP-029	Trần Thị Khánh Chi	30.12.2004	Nữ	Kinh	Sơn La
30	GCN14925.PHAP-030	Trịnh Yến Chi	22.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN14925.PHAP-031	Nguyễn Ngọc Diệp	10.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nam
32	GCN14925.PHAP-032	Ma Ngọc Diệu	23.03.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
33	GCN14925.PHAP-033	Mòng Hoàng Diệu	24.04.2003	Nữ	Ngạn	Hà Giang
34	GCN14925.PHAP-034	Nguyễn Yến Dung	04.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN14925.PHAP-035	Trần Thị Mỹ Dung	07.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN14925.PHAP-036	Trịnh Trung Dũng	27.02.2004	Nam	Kinh	Thanh Hoá
37	GCN14925.PHAP-037	Bùi Ánh Duyên	07.04.2004	Nữ	Mường	Phú Thọ
38	GCN14925.PHAP-038	Nguyễn Thị Hồng Duyên	20.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
39	GCN14925.PHAP-039	Nhữ Vũ Mỹ Duyên	08.11.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: PHÒNG TẬP KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.PHAP-040	Phạm Lương Duyên	30.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN14925.PHAP-041	Nghiêm Thị Thùy Dương	28.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
3	GCN14925.PHAP-042	Trần Thùy Dương	16.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN14925.PHAP-043	Phạm Thị Bích Diệp	26.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN14925.PHAP-044	Trần Trung Đức	01.01.2004	Nam	Mường	Thanh Hoá
6	GCN14925.PHAP-045	Đinh Thị Hương Giang	24.10.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
7	GCN14925.PHAP-046	Nguyễn Hương Giang	15.06.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
8	GCN14925.PHAP-047	Nguyễn Trà Giang	10.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN14925.PHAP-048	Tạ Thị Giang	04.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN14925.PHAP-049	Và Thị Hương Giang	21.07.2004	Nữ	Mông	Sơn La
11	GCN14925.PHAP-050	Dương Thu Hà	21.06.2004	Nữ	Tày	Bắc Kạn
12	GCN14925.PHAP-051	Dương Việt Hà	08.09.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
13	GCN14925.PHAP-052	Nguyễn Lê Ngân Hà	16.02.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
14	GCN14925.PHAP-053	Nguyễn Nguyệt Hà	10.10.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
15	GCN14925.PHAP-054	Nguyễn Thị Hà	18.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN14925.PHAP-055	Nguyễn Việt Hà	07.07.2003	Nữ	Kinh	Điện Biên
17	GCN14925.PHAP-056	Trịnh Ngọc Hà	27.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN14925.PHAP-057	Nguyễn Ngọc Hạ	05.04.2004	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
19	GCN14925.PHAP-058	Ngô Thị Hải	08.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN14925.PHAP-059	Nguyễn Đức Hải	26.02.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN14925.PHAP-060	Ngô Thu Hảo	25.03.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
22	GCN14925.PHAP-061	Nguyễn Thu Hằng	27.10.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
23	GCN14925.PHAP-062	Cù Thị Hậu	20.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN14925.PHAP-063	Nguyễn Thị Lan Hiền	03.01.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương
25	GCN14925.PHAP-064	Trần Thị Hiền	25.01.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN14925.PHAP-065	Lương Quang Hiệp	03.11.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN14925.PHAP-066	Phạm Văn Hiệp	09.07.1999	Nam	Kinh	Lào Cai
28	GCN14925.PHAP-067	Bùi Thị Hoa	12.07.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
29	GCN14925.PHAP-068	Dương Thị Quỳnh Hoa	27.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN14925.PHAP-069	Hoàng Thị Mai Hoa	08.01.2004	Nữ	Ngái	Thái Nguyên
31	GCN14925.PHAP-070	Nguyễn Ngọc Hoa	21.07.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
32	GCN14925.PHAP-071	Đặng Thị Hoà	02.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN14925.PHAP-072	Lương Thu Hoài	16.07.2004	Nữ	Nùng	Bắc Kạn
34	GCN14925.PHAP-073	Nguyễn Thị Thu Hoài	20.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN14925.PHAP-074	Trần Thị Hoài	12.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN14925.PHAP-075	Lê Văn Hoan	14.05.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
37	GCN14925.PHAP-076	Dương Vỹ Hồng	07.09.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
38	GCN14925.PHAP-077	Nguyễn Thị Huế	18.12.2003	Nữ	Tày	Bắc Giang
39	GCN14925.PHAP-078	Triệu Thị Minh Huệ	27.01.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: **TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 07 MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.PHAP-079	Nguyễn Phi Hùng	13.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
2	GCN14925.PHAP-080	Bùi Tiến Huy	05.03.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
3	GCN14925.PHAP-081	Nguyễn Đức Huy	23.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN14925.PHAP-082	Nguyễn Hoàng Huy	29.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN14925.PHAP-083	Nguyễn Thị Huyền	16.11.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN14925.PHAP-084	Bùi Minh Huyền	05.01.2004	Nữ	Kinh	Sơn La
7	GCN14925.PHAP-085	Lương Khánh Huyền	30.10.2004	Nữ	Tày	Lào Cai
8	GCN14925.PHAP-086	Nguyễn Thanh Huyền	08.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN14925.PHAP-087	Nguyễn Thị Minh Huyền	20.11.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
10	GCN14925.PHAP-088	Đinh Thị Thanh Huyền	01.02.2003	Nữ	Kinh	Hà Nam
11	GCN14925.PHAP-089	Lê Lan Hương	01.01.2003	Nữ	Sán diu	Thái Nguyên
12	GCN14925.PHAP-090	Lý Thị Hương	01.07.2004	Nữ	Nùng	Cao Bằng
13	GCN14925.PHAP-091	Nông Thu Hương	11.12.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
14	GCN14925.PHAP-092	Trịnh Quỳnh Hương	28.11.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
15	GCN14925.PHAP-093	Vũ Sông Hương	14.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN14925.PHAP-094	Đỗ Thu Hường	16.11.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
17	GCN14925.PHAP-095	Nguyễn Thị Hường	21.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
18	GCN14925.PHAP-096	Nguyễn Mai Hương	07.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN14925.PHAP-097	Lò Trung Kiên	21.12.2004	Nam	Nùng	Hà Giang
20	GCN14925.PHAP-098	Ngô Trần Ngọc Khánh	21.04.2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc
21	GCN14925.PHAP-099	Nguyễn Thị Ngọc Lan	03.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN14925.PHAP-100	Đinh Thị Liên	11.04.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
23	GCN14925.PHAP-101	Chu Ánh Linh	01.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN14925.PHAP-102	Nguyễn Phương Linh	30.07.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
25	GCN14925.PHAP-103	Nguyễn Thị Linh	26.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN14925.PHAP-104	Nguyễn Thị Thuý Linh	19.06.2000	Nữ	Tày	Bắc Kạn
27	GCN14925.PHAP-105	Phạm Tùng Linh	13.03.2003	Nam	Kinh	Hà Giang
28	GCN14925.PHAP-106	Phạm Thùy Linh	09.09.1998	Nữ	Kinh	Hải Dương
29	GCN14925.PHAP-107	Vũ Thị Ngọc Linh	03.10.2004	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
30	GCN14925.PHAP-108	Vũ Thị Thuý Linh	06.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN14925.PHAP-109	Đàm Thị Phương Loan	07.01.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
32	GCN14925.PHAP-110	Nguyễn Quỳnh Mai	10.03.2004	Nữ	Kinh	Điện Biên
33	GCN14925.PHAP-111	Nguyễn Thị Mai	02.04.2001	Nữ	Tày	Lạng Sơn
34	GCN14925.PHAP-112	Lê Như Hà My	21.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN14925.PHAP-113	Lường Thị Nôi	15.07.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
36	GCN14925.PHAP-114	Đặng Thuý Nga	11.01.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang
37	GCN14925.PHAP-115	Hà Triệu Nga	14.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN14925.PHAP-116	Tạ Thị Kiều Nga	04.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN14925.PHAP-117	Trần Thị Tuyết Nga	17.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 08

MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.PHAP-118	Đoàn Thuý Ngân	08.02.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
2	GCN14925.PHAP-119	Lê Kim Ngân	11.07.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
3	GCN14925.PHAP-120	Nguyễn Kim Ngân	24.11.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN14925.PHAP-121	Nguyễn Phương Ngân	26.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN14925.PHAP-122	Trần Hồng Ngân	01.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Kạn
6	GCN14925.PHAP-123	Nguyễn Ánh Ngọc	12.08.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
7	GCN14925.PHAP-124	Ngô Lương Hà Nguyên	02.10.2004	Nữ	Tày	Nam Định
8	GCN14925.PHAP-125	Trần Thảo Nguyên	01.02.2002	Nữ	Sán diu	Thái Nguyên
9	GCN14925.PHAP-126	Triệu Thảo Nguyên	16.08.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang
10	GCN14925.PHAP-127	Vũ Trường Nguyên	07.08.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
11	GCN14925.PHAP-128	Nguyễn Yến Nhi	13.12.2003	Nữ	Kinh	Hải Dương
12	GCN14925.PHAP-129	Hoàng Vũ Lan Nhung	17.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN14925.PHAP-130	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	08.04.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
14	GCN14925.PHAP-131	Lê Hồng Nhung	15.05.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
15	GCN14925.PHAP-132	Hà Kim Oanh	15.09.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
16	GCN14925.PHAP-133	Nguyễn Minh Phương	11.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
17	GCN14925.PHAP-134	Trần Đỗ Lan Phương	23.04.2004	Nữ	kinh	TP. HCM
18	GCN14925.PHAP-135	Ngô Minh Quân	01.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
19	GCN14925.PHAP-136	Chu Như Quỳnh	13.07.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
20	GCN14925.PHAP-137	Dương Thị Thuý Quỳnh	28.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN14925.PHAP-138	Đỗ Như Quỳnh	24.09.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
22	GCN14925.PHAP-139	Nguyễn Như Quỳnh	20.07.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN14925.PHAP-140	Nguyễn Thuý Quỳnh	13.04.2004	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên
24	GCN14925.PHAP-141	Trần Nga Quỳnh	02.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN14925.PHAP-142	Nguyễn Mai Quỳnh	20.01.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN14925.PHAP-143	Nguyễn Thanh Tâm	24.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN14925.PHAP-144	Hà Thủy Tiên	21.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN14925.PHAP-145	Vi Thị Thủy Tiên	03.05.2004	Nữ	Tày	Bắc Giang
29	GCN14925.PHAP-146	Bùi Đức Tiến	10.11.2004	Nam	kinh	Điện Biên
30	GCN14925.PHAP-147	Nguyễn Trọng Tuyển	03.09.2004	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
31	GCN14925.PHAP-148	Vũ Thị Kim Tuyển	19.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN14925.PHAP-149	Nguyễn Phương Thanh	17.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN14925.PHAP-150	Nguyễn Minh Thành	24.07.2004	Nam	Kinh	Thanh Hoá
34	GCN14925.PHAP-151	Đỗ Thị Thảo	19.04.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
35	GCN14925.PHAP-152	Lương Thị Thảo	22.10.2003	Nữ	Nùng	Tuyên Quang
36	GCN14925.PHAP-153	Nguyễn Thu Thảo	19.10.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
37	GCN14925.PHAP-154	Phạm Phương Thảo	28.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN14925.PHAP-155	Thân Thị Phương Thảo	11.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN14925.PHAP-156	Vũ Phương Thảo	02.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: **TRUNG TÂM KHẢO THI VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 09

MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.PHAP-157	Phạm Thị Thắm	14.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN14925.PHAP-158	Nguyễn Yến Thi	06.04.2001	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
3	GCN14925.PHAP-159	Lò Thị Hiếu Thiên	28.10.2004	Nữ	Thái	Sơn La
4	GCN14925.PHAP-160	Nguyễn Thanh Thuỷ	05.02.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
5	GCN14925.PHAP-161	Nguyễn Thị Thuý	16.01.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN14925.PHAP-162	Phùng Thị Thuý	19.09.2003	Nữ	Dao	Tuyên Quang
7	GCN14925.PHAP-163	Đỗ Phương Thùy	05.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN14925.PHAP-164	Nguyễn Thị Thúy	04.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN14925.PHAP-165	Lưu Hoài Thương	30.06.2004	Nữ	Nùng	Bắc Kạn
10	GCN14925.PHAP-166	Ngô Hoài Thương	29.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN14925.PHAP-167	Nguyễn Hoài Thương	05.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN14925.PHAP-168	Nguyễn Thị Thu Thương	19.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN14925.PHAP-169	Phạm Huyền Thương	18.04.2004	Nữ	Kinh	Bắc Kạn
14	GCN14925.PHAP-170	Đào Hương Trà	20.04.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
15	GCN14925.PHAP-171	Phạm Hương Trà	29.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN14925.PHAP-172	Phạm Trần Hương Trà	27.10.2004	Nữ	Kinh	Lào Cai
17	GCN14925.PHAP-173	Trương Mỹ Trà	16.06.2002	Nữ	Mường	Thanh Hoá
18	GCN14925.PHAP-174	Chu Huyền Trang	24.11.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
19	GCN14925.PHAP-175	Đinh Huyền Trang	29.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN14925.PHAP-176	Đồng Thị Thu Trang	01.09.2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn
21	GCN14925.PHAP-177	Khổng Thu Trang	25.10.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
22	GCN14925.PHAP-178	Lê Thị Thu Trang	16.04.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
23	GCN14925.PHAP-179	Mai Huyền Trang	01.06.2004	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
24	GCN14925.PHAP-180	Nguyễn Hà Trang	03.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN14925.PHAP-181	Nguyễn Ngô Thu Trang	05.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
26	GCN14925.PHAP-182	Trần Thị Thu Trang	21.09.2003	Nữ	Kinh	Nam Định
27	GCN14925.PHAP-183	Bùi Ngọc Bảo Trân	17.06.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
28	GCN14925.PHAP-184	Nguyễn Thanh Trúc	24.02.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
29	GCN14925.PHAP-185	Nguyễn Tuấn Trung	11.10.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
30	GCN14925.PHAP-186	Hoàng Thị Thanh Uyên	08.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
31	GCN14925.PHAP-187	Phạm Hà Uyên	16.11.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
32	GCN14925.PHAP-188	Bế Thị Thu Uyên	11.02.2003	Nữ	Tày	Cao Bằng
33	GCN14925.PHAP-189	Ngô Thị Vân	16.08.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
34	GCN14925.PHAP-190	Nguyễn Thị Vân	03.10.2002	Nữ	Kinh	Ninh Bình
35	GCN14925.PHAP-191	Tạ Công Vinh	30.10.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN14925.PHAP-192	Vũ Yến Vy	30.07.2003	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
37	GCN14925.PHAP-193	Hoàng Thị Xanh	27.03.2004	Nữ	Tày	Bắc Kạn
38	GCN14925.PHAP-194	Nguyễn Thị Hương Xuân	21.02.2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ



**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**
ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THI VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: SÁNG

PHÒNG THI: 10

MÔN: TIẾNG HQ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.HQ-001	Ngô Thị Dung	24.12.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN14925.HQ-002	Dương Thị Hương Giang	17.01.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN14925.HQ-003	Vũ Hoàng Giang	01.11.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN14925.HQ-004	Lương Khánh Huyền	07.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
5	GCN14925.HQ-005	Trần Thị Huyền	12.10.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN14925.HQ-006	Đỗ Quỳnh Hương	03.12.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
7	GCN14925.HQ-007	Vy Bùi Lan Hương	25.01.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
8	GCN14925.HQ-008	Hoàng Thị Thu Hường	03.01.2000	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
9	GCN14925.HQ-009	Đào Hải Linh	23.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN14925.HQ-010	Kiều Thuỳ Linh	22.04.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN14925.HQ-011	Ngô Vũ Phương Linh	22.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN14925.HQ-012	Nguyễn Thị Nhung	07.11.2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang
13	GCN14925.HQ-013	Dương Thị Phương	20.09.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN14925.HQ-014	Chu Thị Phượng	12.10.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN14925.HQ-015	Nguyễn Thị Phương	09.04.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN14925.HQ-016	Nguyễn Thị Quỳnh	11.04.1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN14925.HQ-017	Lê Thị Tâm	14.05.1999	Nữ	Kinh	Bắc Giang
18	GCN14925.HQ-018	Đinh Thu Trang	13.07.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
19	GCN14925.HQ-019	Dương Thị Vân Anh	10.07.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN14925.HQ-020	Dương Thị Thanh Chúc	28.08.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN14925.HQ-021	Nguyễn Kim Dung	11.12.2001	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN14925.HQ-022	Ngô Quỳnh Giang	05.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN14925.HQ-023	Nguyễn Thị Minh Giang	20.11.2002	Nữ	Kinh	Ninh Bình
24	GCN14925.HQ-024	Cam Hồng Hạnh	15.11.2000	Nữ	Dao	Thái Nguyên
25	GCN14925.HQ-025	Ngô Thị Huế	07.12.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN14925.HQ-026	Đặng Thị Hương	07.09.1998	Nữ	Kinh	Thái Bình
27	GCN14925.HQ-027	Đỗ Thị Hường	23.04.2002	Nữ	kinh	Bắc Giang
28	GCN14925.HQ-028	Trần Thị Bích Ngọc	13.09.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN14925.HQ-029	Lương Thị Huyền Nhung	25.12.2002	Nữ	Tày	Thái Nguyên
30	GCN14925.HQ-030	Trịnh Thị Lan Phương	10.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN14925.HQ-031	Tô Thị Phượng	04.08.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN14925.HQ-032	Hà Như Quỳnh	09.10.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ



DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 11

MÔN: TIẾNG TQ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.TQ-001	Mai Thị Minh Anh	13.12.1999	Nữ	Kinh	Nam Định
2	GCN14925.TQ-002	Cao Hồng Hạnh	18.12.2000	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
3	GCN14925.TQ-003	Triệu Thị Hoài	03.08.2000	Nữ	Dao	Phú Thọ
4	GCN14925.TQ-004	Hoàng Phương Linh	05.11.2000	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
5	GCN14925.TQ-005	Phùng Thị Nhung	25.10.1999	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
6	GCN14925.TQ-006	Phạm Thị Minh Phương	25.10.2000	Nữ	Kinh	Thái nguyên
7	GCN14925.TQ-007	Trương Thị Thu Phương	10.10.1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN14925.TQ-008	Lăng Thị Thuỷ Tiên	09.08.2000	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
9	GCN14925.TQ-009	Phạm Thị Thanh Tuyền	27.07.2001	Nữ	Mường	Thanh Hoá
10	GCN14925.TQ-010	Trần Thị Thảo	10.10.1999	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
11	GCN14925.TQ-011	Lâm Thị Thắm	26.07.1999	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
12	GCN14925.TQ-012	Triệu Thị Thu	10.06.1994	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
13	GCN14925.TQ-013	Nguyễn Thu Thuỷ	01.11.2000	Nữ	Kinh	Hà Nội
14	GCN14925.TQ-014	Lý Hồng Thúy	22.11.2000	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
15	GCN14925.TQ-015	Trần Hải Yến	19.02.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 15 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ



DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: **TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 12

MÔN: TIẾNG TQ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN14925.TQ-016	Hoàng Hải Anh	03.11.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
2	GCN14925.TQ-017	Vũ Mạnh Cường	27.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
3	GCN14925.TQ-018	Trần Thu Hà	05.12.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
4	GCN14925.TQ-019	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	29.07.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
5	GCN14925.TQ-020	Nguyễn Thị Hiền	29.08.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN14925.TQ-021	Lê Thị Hoa	27.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
7	GCN14925.TQ-022	Nguyễn Thu Hoài	24.11.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
8	GCN14925.TQ-023	Nguyễn Thị Hồng	05.12.2003	Nữ	Sán diu	Bắc Ninh
9	GCN14925.TQ-024	Nguyễn Lan Hương	19.09.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
10	GCN14925.TQ-025	Dương Ngọc Lý	25.11.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
11	GCN14925.TQ-026	Nông Thị Ngần	09.10.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
12	GCN14925.TQ-027	Nguyễn Thị Phương	02.11.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
13	GCN14925.TQ-028	Tô Văn Quốc	16.02.2003	Nam	Nùng	Bắc Giang
14	GCN14925.TQ-029	Nguyễn Thị Tâm	12.09.2003	Nữ	Kinh	Hải Dương
15	GCN14925.TQ-030	Phan Thị Thanh Thảo	17.05.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
16	GCN14925.TQ-031	Mai Thị Thêu	25.01.2003	Nữ	Tày	Tuyên Quang
17	GCN14925.TQ-032	Bùi Thị Thanh Thu	12.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Bình
18	GCN14925.TQ-033	Hoàng Huyền Trang	29.04.2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn
19	GCN14925.TQ-034	Lâm Thị Trang	03.07.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
20	GCN14925.TQ-035	Hạc Thị Trúc	25.10.2002	Nữ	Nùng	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 20 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG - HÀ NỘI**

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 13

MÔN: TIẾNG TQ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TNMT14925.TQ-036	Lê Thuỳ Dung	29.04.2002	Nữ	Kinh	Hà Nội
2	TNMT14925.TQ-037	Vương Thành Đạt	07.08.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
3	TNMT14925.TQ-038	Tăng Ngọc Hân	08.09.2003	Nữ	Kinh	Hải Phòng
4	TNMT14925.TQ-039	Lê Dương Huy	24.05.2002	Nam	Kinh	Hải Phòng
5	TNMT14925.TQ-040	Phạm Thị Lan Hương	24.09.1998	Nữ	Kinh	Hải Dương
6	TNMT14925.TQ-041	Nguyễn Thị Mai Hương	02.12.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
7	TNMT14925.TQ-042	Nguyễn Thanh Loan	09.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
8	TNMT14925.TQ-043	Đỗ Ngọc Mai	16.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
9	TNMT14925.TQ-044	Trương Thị Minh	11.05.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
10	TNMT14925.TQ-045	Trần Mai Ninh	10.08.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương
11	TNMT14925.TQ-046	Trần Yến Nhi	19.11.2004	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
12	TNMT14925.TQ-047	Lê Thị Hồng Nhung	29.08.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
13	TNMT14925.TQ-048	Hoàng Thị Phú	23.11.1998	Nữ	Kinh	Hung Yên
14	TNMT14925.TQ-049	Trần Thảo Phương	17.09.2004	Nữ	Nữ	Vĩnh Phúc
15	TNMT14925.TQ-050	Nguyễn Vũ Sang	03.05.2003	Nam	Kinh	Ninh Bình
16	TNMT14925.TQ-051	Cần Thị Thơ	02.06.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây
17	TNMT14925.TQ-052	Đinh Thị Hồng Thơm	14.02.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
18	TNMT14925.TQ-053	Giáp Thị Thuỳ	21.08.2003	Nữ	Tày	Bắc Ninh
19	TNMT14925.TQ-054	Nguyễn Thị Hương Trà	07.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
20	TNMT14925.TQ-055	Vũ Thị Kiều Trang	17.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
21	TNMT14925.TQ-056	Lăng Ngọc Trâm	02.04.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
22	TNMT14925.TQ-057	Phạm Ngọc Trinh	14.09.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
23	TNMT14925.TQ-058	Vũ Thị Tuyết Trinh	12.12.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình

Ấn định danh sách có: 23 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 14

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TNN14925.TA-001	Lê Thị Hoài Anh	09.08.2003	Nữ	Kinh	Yên Bái
2	TNN14925.TA-002	Ma Văn Tuấn Anh	28.09.2003	Nam	Tày	Tuyên Quang
3	TNN14925.TA-003	Nguyễn Tuấn Anh	23.11.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
4	TNN14925.TA-004	Nguyễn Thị Huệ Anh	26.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	TNN14925.TA-005	Tạ Minh Anh	01.06.2003	Nữ	Kinh	Hưng Yên
6	TNN14925.TA-006	Vũ Ngọc Kim Anh	05.02.2004	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
7	TNN14925.TA-007	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11.03.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
8	TNN14925.TA-008	Ma Thị Châm	13.03.2000	Nữ	Tày	Thái Nguyên
9	TNN14925.TA-009	Nguyễn Linh Chi	24.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Giang
10	TNN14925.TA-010	Nguyễn Thảo Chi	13.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	TNN14925.TA-011	Phạm Thanh Chúc	28.10.2002	Nữ	Kinh	Nam Định
12	TNN14925.TA-012	Phùng Thị Chúc	24.04.2002	Nữ	Kinh	Ninh Bình
13	TNN14925.TA-013	Nguyễn Ngọc Diệp	10.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nam
14	TNN14925.TA-014	Ngô Thị Dung	24.12.2002	Nữ	Kinh	Thái nguyên
15	TNN14925.TA-015	Lao Ngọc Dung	25.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	TNN14925.TA-016	Bùi Thị Trà Giang	13.08.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	TNN14925.TA-017	Chu Hoàng Sơn Giang	05.04.2002	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
18	TNN14925.TA-018	Ngô Thu Giang	01.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	TNN14925.TA-019	Phạm Trà Giang	24.10.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
20	TNN14925.TA-020	Đào Thị Hạnh	13.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	TNN14925.TA-021	Dương Hà Diệu Hằng	04.01.2002	Nữ	Tày	Thái Nguyên
22	TNN14925.TA-022	Nguyễn Thị Hậu	25.04.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
23	TNN14925.TA-023	Lê Thị Hiền	01.02.2002	Nữ	Tày	Thái Nguyên
24	TNN14925.TA-024	Phạm Thị Hiền	06.10.2001	Nữ	Mường	Thanh Hoá
25	TNN14925.TA-025	Phạm Thu Hiền	01.01.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
26	TNN14925.TA-026	Phạm Văn Hiệp	09.07.1999	Nam	Kinh	Lào Cai
27	TNN14925.TA-027	Phạm Vũ Hiệp	13.08.2003	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
28	TNN14925.TA-028	Nhâm Minh Hiếu	05.05.2000	Nam	Kinh	Thái Bình
29	TNN14925.TA-029	Nguyễn Ngọc Hoa	21.07.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
30	TNN14925.TA-030	Trần Thị Hoài	12.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
31	TNN14925.TA-031	Lê Nguyên Hồng	18.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	TNN14925.TA-032	Phạm Thị Mai Hồng	03.02.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	TNN14925.TA-033	Trần Văn Hợp	09.05.1999	Nam	Kinh	Bắc Giang
34	TNN14925.TA-034	Hoàng Thị Huệ	20.05.2003	Nữ	Tày	Bắc Giang
35	TNN14925.TA-035	Nguyễn Phi Hùng	13.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
36	TNN14925.TA-036	Nguyễn Hoàng Huy	29.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	TNN14925.TA-037	Vũ Gia Huy	06.10.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	TNN14925.TA-038	Trần Thị Huyền	12.10.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: **TRUNG TÂM KHẢO THI VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: **CHIỀU**

PHÒNG THI: 15

MÔN: **TIẾNG ANH**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TNN14925.TA-039	Nguyễn Thị Huyền	24.02.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	TNN14925.TA-040	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12.05.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	TNN14925.TA-041	Trương Thị Huyền	10.11.2003	Nữ	Sán Dìu	Vĩnh Phúc
4	TNN14925.TA-042	Địch Thị Hương	29.06.2002	Nữ	Cao Lan	Thái Nguyên
5	TNN14925.TA-043	Lê Lan Hương	01.01.2003	Nữ	Sán dìu	Thái Nguyên
6	TNN14925.TA-044	Nguyễn Lan Hương	14.10.2002	Nữ	Tày	Bắc Kạn
7	TNN14925.TA-045	Nguyễn Thu Hương	21.12.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
8	TNN14925.TA-046	Đinh Thị Hồng Khánh	03.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
9	TNN14925.TA-047	Dương Thị Thanh Lam	11.02.2003	Nữ	Mường	Thanh Hoá
10	TNN14925.TA-048	Nguyễn Thuỷ Lam	09.12.2003	Nữ	Kinh	Điện Biên
11	TNN14925.TA-049	Lê Ngọc Lan	30.01.2003	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
12	TNN14925.TA-050	Dương Nhật Lệ	18.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
13	TNN14925.TA-051	Ngô Khánh Linh	12.11.2003	Nữ	Kinh	Phú Thọ
14	TNN14925.TA-052	Nguyễn Thị Thuỷ Linh	19.06.2000	Nữ	Tày	Bắc Kạn
15	TNN14925.TA-053	Trần Nguyễn Khánh Linh	13.09.2003	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
16	TNN14925.TA-054	Vũ Thị Thuỷ Linh	06.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	TNN14925.TA-055	Vũ Thị Mai Lộc	17.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	TNN14925.TA-056	Nguyễn Thị Hiền Lương	19.11.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
19	TNN14925.TA-057	Đoàn Thị Ly	12.08.2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang
20	TNN14925.TA-058	Ma Hoàng Ly	18.11.2003	Nữ	Tày	Tuyên Quang
21	TNN14925.TA-059	Nguyễn Thị Khánh Ly	15.10.2001	Nữ	Tày	Thái Nguyên
22	TNN14925.TA-060	Đào Thị Mừng	03.02.2003	Nữ	Thái	Lai Châu
23	TNN14925.TA-061	Hoàng Hà My	05.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	TNN14925.TA-062	Lê Như Hà My	21.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	TNN14925.TA-063	Nguyễn Vy Hà My	23.04.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	TNN14925.TA-064	Vũ Phương Nam	22.08.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	TNN14925.TA-065	Dương Thị Nụ	20.10.2001	Nữ	Nùng	Bắc Kạn
28	TNN14925.TA-066	Vũ Thị Hồng Ngát	26.06.2003	Nữ	Kinh	Ninh Bình
29	TNN14925.TA-067	Nguyễn Chu Hoài Ngân	01.10.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
30	TNN14925.TA-068	Hồ Minh Ngọc	21.10.2002	Nữ	Kinh	Bắc Giang
31	TNN14925.TA-069	Nguyễn Bích Ngọc	04.04.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
32	TNN14925.TA-070	Đoàn Minh Nguyệt	21.02.2002	Nữ	kinh	Thái Nguyên
33	TNN14925.TA-071	Nông Thị Tuyết Nhi	17.04.2003	Nữ	Tày	Cao Bằng
34	TNN14925.TA-072	Ma Thị Thanh Nhiệt	05.08.2002	Nữ	Tày	Tuyên Quang
35	TNN14925.TA-073	Hầu Thị Nhung	23.12.2002	Nữ	Sán Chay	Thái Nguyên
36	TNN14925.TA-074	Hoàng Vũ Lan Nhung	17.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
37	TNN14925.TA-075	Ma Thị Tuyết Nhung	31.05.1997	Nữ	Tày	Thái Nguyên
38	TNN14925.TA-076	Nguyễn Tuyết Nhung	06.12.2002	Nữ	Cao Lan	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 16

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TNN14925.TA-077	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02.02.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	TNN14925.TA-078	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20.10.1995	Nữ	Tày	Thái Nguyên
3	TNN14925.TA-079	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15.08.1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	TNN14925.TA-080	Nguyễn Thị Oanh	24.10.1999	Nữ	Kinh	Bắc Giang
5	TNN14925.TA-081	Đỗ Quỳnh Phương	14.12.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
6	TNN14925.TA-082	Đỗ Thị Thu Phương	25.09.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
7	TNN14925.TA-083	Trịnh Thu Phương	13.02.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	TNN14925.TA-084	Vũ Thu Phương	16.02.2003	Nữ	Kinh	Thái nguyên
9	TNN14925.TA-085	Nguyễn Thị Thu Phương	01.12.2003	Nữ	Kinh	Nam Định
10	TNN14925.TA-086	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	09.01.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	TNN14925.TA-087	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20.10.2000	Nữ	Mường	Phú Thọ
12	TNN14925.TA-088	Nguyễn Thị Như Quỳnh	25.07.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	TNN14925.TA-089	Phan Diễm Quỳnh	17.02.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
14	TNN14925.TA-090	Nguyễn Mai Quỳnh	20.01.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	TNN14925.TA-091	Thái Phạm Như Quỳnh	04.07.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	TNN14925.TA-092	Lý Thị Sang Sang	02.12.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
17	TNN14925.TA-093	Phạm Thị Minh Tâm	12.06.2003	Nữ	Kinh	Hải Dương
18	TNN14925.TA-094	Nguyễn Thị Thanh	16.10.2003	Nữ	Kinh	Ninh Bình
19	TNN14925.TA-095	Đặng Thị Phương Thảo	20.08.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	TNN14925.TA-096	Lương Thị Thảo	22.10.2003	Nữ	Nùng	Tuyên Quang
21	TNN14925.TA-097	Nguyễn Thị Thảo	07.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	TNN14925.TA-098	Lâm Thị Thơ	03.10.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
23	TNN14925.TA-099	Phan Kim Thuỷ	02.10.2003	Nam	Dao	Lào Cai
24	TNN14925.TA-100	Bùi Thị Phương Thuý	17.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	TNN14925.TA-101	Lê Ngọc Anh Thư	16.09.2000	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
26	TNN14925.TA-102	Lục Hằng Thương	05.05.2003	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên
27	TNN14925.TA-103	Nguyễn Hoài Thương	05.05.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	TNN14925.TA-104	Đặng Thu Trà	05.08.2003	Nữ	Dao	Thái Nguyên
29	TNN14925.TA-105	Phạm Trần Hương Trà	27.10.2004	Nữ	Kinh	Lào Cai
30	TNN14925.TA-106	Nguyễn Thị Thu Trang	28.06.2003	Nữ	Kinh	Nam Định
31	TNN14925.TA-107	Phạm Thị Trang	29.03.2003	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc
32	TNN14925.TA-108	Lê Huyền Trang	15.07.2003	Nữ	Kinh	Hà Tây
33	TNN14925.TA-109	Lê Phan Đức Trung	28.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
34	TNN14925.TA-110	Vũ Thị Hồng Uyên	20.09.2001	Nữ	Kinh	Phú Thọ
35	TNN14925.TA-111	Hoàng Ngọc Việt	16.08.2003	Nam	Tày	Bắc Ninh
36	TNN14925.TA-112	Hoàng Nguyễn Thảo Vy	01.04.2003	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
37	TNN14925.TA-113	Đinh Thị Yến	17.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
38	TNN14925.TA-114	Lương Thị Hải Yến	05.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 17

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	KTCN14925.TA-115	Lý Thành An	22.10.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
2	KTCN14925.TA-116	Vũ Trường An	30.09.2000	Nam	Kinh	Hải Phòng
3	KTCN14925.TA-117	Nguyễn Hữu Anh	18.01.1994	Nam	Kinh	Lào cai
4	KTCN14925.TA-118	Nguyễn Thế Anh	18.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	KTCN14925.TA-119	Vũ Tuấn Anh	21.08.1999	Nam	Kinh	Lào Cai
6	KTCN14925.TA-120	Đỗ Ngọc Ánh	09.09.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	KTCN14925.TA-121	Nguyễn Đức Bình	18.02.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	KTCN14925.TA-122	Hoàng Hữu Chính	12.09.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
9	KTCN14925.TA-123	Ngô Đức Chính	24.04.1987	Nam	Kinh	Yên Bái
10	KTCN14925.TA-124	Quách Đức Dũng	26.11.1998	Nam	Kinh	Lào Cai
11	KTCN14925.TA-125	Hoàng Văn Duy	20.06.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
12	KTCN14925.TA-126	Tạ Khắc Duy	01.07.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	KTCN14925.TA-127	Đàm Đình Duyên	01.01.1984	Nam	Kinh	Yên Bái
14	KTCN14925.TA-128	Phạm Văn Dương	01.02.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	KTCN14925.TA-129	Trần Hiền Đại	17.02.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	KTCN14925.TA-130	Đầu Minh Đạt	04.04.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	KTCN14925.TA-131	Nguyễn Thành Đạt	12.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	KTCN14925.TA-132	Vũ Tiến Đạt	09.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	KTCN14925.TA-133	Phạm Tuấn Điệp	10.07.1995	Nam	Tày	Yên Bái
20	KTCN14925.TA-134	Phạm Quang Đức	18.04.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	KTCN14925.TA-135	Vũ Minh Đức	08.03.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	KTCN14925.TA-136	Đinh Quốc Hà	16.05.2002	Nam	Tày	Thái Nguyên
23	KTCN14925.TA-137	Hoàng Mạnh Hà	16.07.1995	Nam	Kinh	Yên Bái
24	KTCN14925.TA-138	Hoàng Ngọc Hải	13.03.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	KTCN14925.TA-139	Chu Thị Hạnh	29.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	KTCN14925.TA-140	Hoàng Thị Hằng	17.09.2002	Nữ	Tày	Lào Cai
27	KTCN14925.TA-141	Nguyễn Thị Thu Hằng	15.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	KTCN14925.TA-142	Chu Lương Minh Hiếu	06.10.1991	Nam	Kinh	Phú Thọ

Ấn định danh sách có: 28 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 18

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	KTCN14925.TA-143	Đặng Trung Hiếu	09.07.2003	Nam	Kinh	Thái nguyên
2	KTCN14925.TA-144	Nguyễn Tiến Hiếu	02.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	KTCN14925.TA-145	Trương Minh Hiếu	22.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	KTCN14925.TA-146	Hà Huy Hiệu	13.07.2005	Nam	Kinh	Thái nguyên
5	KTCN14925.TA-147	Lý Văn Hóa	22.10.1985	Nam	Kinh	Lào Cai
6	KTCN14925.TA-148	Lộc Việt Hoàng	21.09.2000	Nam	Tày	Thái Nguyên
7	KTCN14925.TA-149	Trương văn Huê	16.03.1986	Nam	Giáy	Lào cai
8	KTCN14925.TA-150	Lê Huy Hùng	20.09.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	KTCN14925.TA-151	Hà Minh Huy	18.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	KTCN14925.TA-152	Nguyễn Quang Huy	13.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	KTCN14925.TA-153	Trần Thị Thanh Huyền	11.05.2005	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
12	KTCN14925.TA-154	Đặng Văn Hưng	11.06.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	KTCN14925.TA-155	Hoàng Hữu Khang	10.10.1986	Nam	Tày	Yên Bái
14	KTCN14925.TA-156	Lăng Văn Khanh	30.04.2002	Nam	Nùng	Lạng Sơn
15	KTCN14925.TA-157	Ngô Kim Khánh	13.01.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
16	KTCN14925.TA-158	Nguyễn Duy Khánh	09.02.1991	Nam	Kinh	Lào Cai
17	KTCN14925.TA-159	Lê Thành Lâm	21.01.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	KTCN14925.TA-160	Ngô Văn Lập	04.01.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
19	KTCN14925.TA-161	Lê Hữu Linh	18.12.1997	Nam	Kinh	Yên Bái
20	KTCN14925.TA-162	Lãnh Bảo Long	27.07.2003	Nam	Tày	Cao Bằng
21	KTCN14925.TA-163	Nguyễn Thị Hương Ly	03.08.2001	Nữ	Kinh	Yên Bái
22	KTCN14925.TA-164	Lê Thị Tuyết Mai	23.06.2005	Nữ	kinh	Bắc Ninh
23	KTCN14925.TA-165	Nguyễn Thế Mạnh	04.08.1990	Nam	Kinh	Thái Bình
24	KTCN14925.TA-166	An Thúy Mùi	13.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	KTCN14925.TA-167	Trần Văn Nam	11.02.2002	Nam	Kinh	Yên Bái
26	KTCN14925.TA-168	Đào Ngọc Ninh	28.12.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	KTCN14925.TA-169	Lưu Thị Thuý Ngân	19.02.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
28	KTCN14925.TA-170	Nguyễn Bảo Ngọc	17.12.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 28 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

NGÀY THI: 14/09/2025

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 19

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	KTCN14925.TA-171	Nguyễn Duy Quang	21.07.2006	Nam	Kinh	Yên Bái
2	KTCN14925.TA-172	Nguyễn Chí Quý	05.05.1993	Nam	Kinh	Lào Cai
3	KTCN14925.TA-173	Nguyễn Văn Quyền	26.05.1992	Nam	Kinh	Lào Cai
4	KTCN14925.TA-174	Lê Văn Quyết	30.10.2002	Nam	Kinh	Hải Dương
5	KTCN14925.TA-175	Nguyễn Văn Quyết	22.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	KTCN14925.TA-176	Bùi Viết Sơn	25.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
7	KTCN14925.TA-177	Đặng Hồng Sơn	02.08.1995	Nam	Kinh	Yên Bái
8	KTCN14925.TA-178	Lục Thái Sơn	26.06.2001	Nam	Kinh	Thái nguyên
9	KTCN14925.TA-179	Đoàn Văn Tiến	20.07.2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh
10	KTCN14925.TA-180	Phạm Xuân Tiến	03.11.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	KTCN14925.TA-181	Nguyễn Văn Tú	01.06.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	KTCN14925.TA-182	Dương Văn Tùng	05.04.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
13	KTCN14925.TA-183	Dương Xuân Tùng	30.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	KTCN14925.TA-184	Đặng Thanh Tùng	10.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	KTCN14925.TA-185	Nông Thanh Tuyền	24.05.1999	Nam	Nùng	Lạng Sơn
16	KTCN14925.TA-186	Ngô Thanh Tuyền	19.06.2003	Nam	Sán diu	Thái Nguyên
17	KTCN14925.TA-187	Nguyễn Thị Tư	23.09.1972	Nữ	Kinh	Yên Bái
18	KTCN14925.TA-188	Phạm Công Thái	22.07.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	KTCN14925.TA-189	Đỗ Đức Thành	15.07.1999	Nam	kinh	Thái Nguyên
20	KTCN14925.TA-190	Phạm Thị Thanh Thảo	17.11.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
21	KTCN14925.TA-191	Trần Thanh Thảo	02.08.2002	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
22	KTCN14925.TA-192	Phùng Mạnh Thi	17.12.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
23	KTCN14925.TA-193	Lưu Trung Thu	24.09.1991	Nam	Tày	Yên bái
24	KTCN14925.TA-194	Hoàng Văn Trung	10.05.1998	Nam	Cao Lan	Lào Cai
25	KTCN14925.TA-195	Lương Xuân Trường	25.01.1998	Nam	Kinh	Yên Bái
26	KTCN14925.TA-196	Phạm Quốc Việt	22.05.1987	Nam	Kinh	Lào cai
27	KTCN14925.TA-197	Kiều Quốc Vương	05.05.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ

Ấn định danh sách có: 27 thí sinh./.